

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA
Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 12 tháng 11 năm 2018



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Dò

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82

Fax: (024) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La
Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
đính kèm Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha (gọi tắt "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 24121000062 do UBND tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 21 tháng 05 năm 2008, thay đổi lần thứ hai ngày 10 tháng 06 năm 2013. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500283563 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2016, theo đó:

Vốn Điều lệ của Công ty: 300.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)

Trụ sở chính: Số 2 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

Danh sách cổ đông đã góp vốn:

Danh sách cổ đông góp vốn	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	19,388,278	193,882,780,000	65%
Trung tâm giao dịch Đầu tư Tư vấn Mua bán nợ và Tài sản (DATC)	10,255,222	102,552,220,000	34%
Ông Nguyễn Ngọc Bình	290,000	2,900,000,000	0.97%
Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc	66,500	665,000,000	0.22%
Cộng	30,000,000	300,000,000,000	100%

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật điện dân dụng khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình thủy điện;
- Xây dựng nhà ở các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Công trình giao thông);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu, kinh doanh công nghiệp điện, điện tử;
- Dịch vụ, thương mại.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- | | |
|-----------------------------|----------------------|
| 1 Ông Nguyễn Ngọc Bình | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc | Ủy viên |
| 3 Bà Ninh Thị Luân | Ủy viên |
| 4 Ông Nguyễn Ngọc Hưng | Trưởng ban kiểm soát |

B Ban Tổng Giám đốc:

- 1 Ông Nguyễn Văn Huyền
- 2 Ông Nguyễn Tiến Cường
- 3 Ông Đặng Thạch Dương
- 4 Ông Bùi Mạnh Dương
- 5 Ông Vũ Đức Thọ
- 6 Bà Nghiênn Thị Mai Hoa

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc nhà máy

Kế toán trưởng

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Đại diện

Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Ngọc Bình

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 24 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

AicA

Số: 51 /2018/BCKT/BCTC - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha được lập ngày 26/02/2017, từ trang 06 đến trang 26 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

Lê Văn Dò

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0231-2018-016-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 1695-2018-016-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHAĐịa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La
Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*

				Đơn vị tính: đồng
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83,931,226,972	67,141,125,114
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,990,605,218	2,732,844,889
1. Tiền	111	V.01	4,990,605,218	2,732,844,889
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76,404,676,868	63,122,467,575
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	7,041,088,073	7,492,387,927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	29,566,911,203	22,671,179,702
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	39,796,677,592	32,958,899,946
IV. Hàng tồn kho	140		229,386,712	1,285,812,650
1. Hàng tồn kho	141	V.05	229,386,712	1,285,812,650
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,306,558,174	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.06	2,306,558,174	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		620,597,387,911	521,994,768,503
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		324,443,250,075	337,327,911,350
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	324,443,250,075	337,327,911,350
- Nguyên giá	222		343,946,448,431	343,390,391,574
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19,503,198,356)	(6,062,480,224)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		296,048,029,214	184,666,857,153
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	296,048,029,214	184,666,857,153
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		106,108,622	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	106,108,622	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		704,528,614,883	589,135,893,617

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của BCTC)6

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

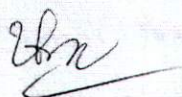
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

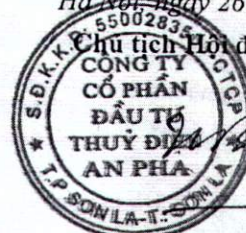
				Đơn vị tính: đồng
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		402,485,772,239	288,667,539,631
I. Nợ ngắn hạn	310		102,260,745,854	95,857,201,354
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	35,571,625,558	43,104,171,200
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	839,017,779	1,084,014,106
3. Phải trả người lao động	314		380,756,009	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	19,190,163,205	47,496,002,888
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	779,183,303	428,013,160
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	45,500,000,000	3,745,000,000
II. Nợ dài hạn	330		300,225,026,385	192,810,338,277
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	300,225,026,385	192,810,338,277
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		302,042,842,644	300,468,353,986
I. Vốn chủ sở hữu	410		302,042,842,644	300,468,353,986
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	V.15	300,000,000,000	299,506,643,283
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300,000,000,000	299,506,643,283
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2,042,842,644	961,710,703
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		961,710,703	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,081,131,941	961,710,703
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		704,528,614,883	589,135,893,617

Kế toán trưởng



Nghiêm Thị Mai Hoa

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Ngọc Bình

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của BCTC)7

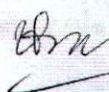
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	52,352,519,641	43,332,543,792
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.03	52,352,519,641	43,332,543,792
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	35,718,946,555	42,213,110,507
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		16,633,573,086	1,119,433,285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	7,674,908	1,242,794
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	15,560,116,053	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15,560,116,053	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	-	158,965,376
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,081,131,941	961,710,703
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,081,131,941	961,710,703
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,081,131,941	961,710,703
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

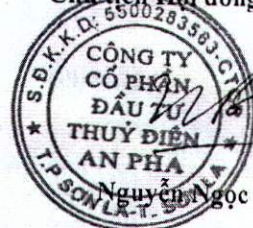
Kế toán trưởng



Nghiêm Thị Mai Hoa

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

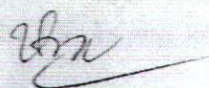
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1,081,131,941	961,710,703
2. Điều chỉnh do các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,440,718,132	6,062,480,224
- Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản			
- mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7,674,908)	-
- Chi phí lãi vay	06	15,560,116,053	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	30,074,291,218	7,024,190,927
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15,588,767,467)	(38,605,781,700)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1,056,425,938	1,703,385,447
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,			
- thuế TNDN phải nộp)	11	(18,450,251,104)	15,584,525,520
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	(106,108,622)	24,855,253
- Tiền lãi vay đã trả	15	(24,634,620,110)	(14,310,994,181)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	18	(6,637,042,949)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(34,286,073,096)	(28,579,818,734)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(112,747,308,599)	(112,359,523,417)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,674,908	1,242,794
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(112,739,633,691)	(112,358,280,623)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	493,356,717	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	153,135,110,399	48,404,120,952
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4,345,000,000)	(1,443,500,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	149,283,467,116	46,960,620,952
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2,257,760,329	(93,977,478,405)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2,732,844,889	96,710,323,294
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4,990,605,218	2,732,844,889

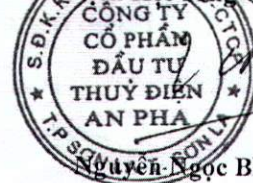
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Hoa

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha (gọi tắt "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 24121000062 do UBND tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 21 tháng 05 năm 2008, thay đổi lần thứ hai ngày 10 tháng 06 năm 2013. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500283563 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2016, theo đó:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha

Tên viết tắt: ANPHA - EL,JSC

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng chẵn)

Trụ sở chính: Số 2 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng thủy điện.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật điện dân dụng khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình thủy điện;
- Xây dựng nhà ở các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Công trình giao thông);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu, kinh doanh công nghiệp điện, điện tử;
- Dịch vụ, thương mại.

4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha tuyên bố Báo cáo tài chính năm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi :

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

- * Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 8 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước của công ty gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải

Phân loại các khoản phải trả là

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong kỳ, các khoản hao hụt định mức, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thỉnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tiền mặt</i>	<i>1,982,564,482</i>	<i>14,167,581</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>3,008,040,736</i>	<i>2,718,677,308</i>
+ Ngân hàng BIDV CN Sơn La	3,001,063,883	2,554,759,348
+ Ngân hàng BIDV CN Quang Trung	3	3
+ Ngân hàng OceanBank	2,077,055	2,158,555
+ Ngân hàng SHB CN Ba Đình	2,885,615	159,495,054
+ Ngân hàng BIDV CN Sơn La (90,86 USD)	2,014,180	2,264,348
Cộng	4,990,605,218	2,732,844,889
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7,041,088,073	7,492,387,927
Tổng công ty điện lực miền bắc	7,041,088,073	7,492,387,927
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	7,041,088,073	7,492,387,927
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP cơ khí Văn Lâm	904,339,750	-
Công ty TNHH Hồng Hiệp	15,000,000	15,000,000
Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Thủy lợi Thủy điện	11,344,876	11,344,876
Công ty TNHH TBD Tân Thế Kỷ	23,720,370,436	20,900,901,409
Trung tâm TT kỹ thuật Tài nguyên MT tỉnh Điện Biên	136,000,000	76,000,000
Công ty TNHH 668 tỉnh Điện Biên	91,807,347	70,443,147
Công ty TNHH XD và Thương mại Điện năng	58,640,000	58,640,000
Công ty tư vấn tài nguyên và môi trường 86 Việt Nam	50,000,000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế XD 26-10	42,000,000	-
Nguyễn Xuân Đài	40,000,000	-
Công ty cổ phần Quỳnh Thạch	38,600,000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sơn La	100,000,000	100,000,000
Viện thủy điện và năng lượng tái tạo	483,114,583	-
BQL Dự án đầu tư Xây dựng Huyện Thuận Châu	143,000,000	143,000,000
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	3,732,694,211	1,287,233,334
Trả trước người bán khác	-	8,616,936
Cộng	29,566,911,203	22,671,179,702

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính) 16

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La
Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068

Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

4. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	25,824,630,750	-	30,147,777,376	-
Ký cược, ký quỹ	15,700,000	-	15,700,000	-
Phải thu khác	13,956,346,842	-	2,795,422,570	-
- Nguyễn Bình Dương	2,802,600	-	2,802,600	-
- Doanh nghiệp tư nhân Huyền An	227,221,333	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	13,724,599,509	-	2,790,896,570	-
- Phải thu khác	1,723,400	-	1,723,400	-
Cộng	39,796,677,592		32,958,899,946	

5. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	229,386,712	-	1,285,812,650	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	229,386,712	-	1,285,812,650	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

6. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT khấu trừ	2,306,558,174	-
Cộng	2,306,558,174	-

7. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

8. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Nậm Hóa 1	296,048,029,214	184,666,857,153
Cộng	296,048,029,214	184,666,857,153

9. Tài sản dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	106,108,622	-
Cộng	106,108,622	-

10. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP tư vấn xây dựng điện 3	641,846,015	641,846,015	993,898,535	993,898,535
Công ty CPTV ĐT và XD Điện Thành Nam	220,000,000	220,000,000	220,000,000	220,000,000
Công ty TNHH Xây dựng Thủy điện Thủy lợi Giang Tây	17,182,926,735	17,182,926,735	18,824,008,059	18,824,008,059

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính) 17

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

Công ty TNHH Thương mại và XD Thạch Kim	28,699,884	28,699,884	28,699,884	28,699,884
Công ty TNHH Tân Hải	-	-	216,156,535	216,156,535
Công ty CP kinh doanh xi măng Miền bắc	237,000,000	237,000,000	1,237,000,000	1,237,000,000
DNTN XD Tiếp Lợi	-	-	65,825,211	65,825,211
Công ty CP Cơ Khí và Xây Dựng Hà Nội	1,023,040,983	1,023,040,983	119,893,787	119,893,787
Công ty TNHH kiểm toán và Kế Toán Hà Nội	599,610,909	599,610,909	22,000,000	22,000,000
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng hệ thống điện Bách Khoa	296,362,521	296,362,521	296,362,521	296,362,521
Công ty CP Thiết bị phụ tùng cơ điện	13,658,449,509	13,658,449,509	1,738,697,235	1,738,697,235
Công ty TNHH Cơ khí Văn Lâm	-	-	15,459,890,140	15,459,890,140
Doanh nghiệp Tư nhân Xây dựng Huyện Hòa	755,112,254	755,112,254	504,819,000	504,819,000
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thuận Châu	63,035,000	63,035,000	963,035,000	963,035,000
Trung tâm Công nghệ phần mềm tạo	336,676,000	336,676,000	336,676,000	336,676,000
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện MB	-	-	421,957,200	421,957,200
Bà	-	-	739,012,000	739,012,000
Phải trả nhà cung cấp khác	249,800,000	249,800,000	249,800,000	249,800,000
	279,065,748	279,065,748	666,440,093	666,440,093
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

Cộng

35,571,625,558	35,571,625,558	43,104,171,200	43,104,171,200
----------------	----------------	----------------	----------------

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	529,467,168	5,866,625,318	6,210,708,345	185,384,141
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	117,726,216	79,539,321	24,056,215	173,209,322
Thuế tài nguyên	425,267,422	2,159,504,690	2,115,901,096	468,871,016
Các loại thuế khác	11,553,300	3,000,000	3,000,000	11,553,300
Cộng	1,084,014,106	8,108,669,329	8,353,665,656	839,017,779

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính) 18

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

12. Chi phí phải trả ngắn hạn**Số cuối năm****Số đầu năm**

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí lãi vay	17,252,374,539	17,252,374,539	23,994,605,641	23,994,605,641
Chi phí khác	1,937,788,666	1,937,788,666	23,501,397,247	23,501,397,247
Cộng	19,190,163,205	19,190,163,205	47,496,002,888	47,496,002,888

13. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác**Số cuối năm****Số đầu năm**

Kinh phí công đoàn	29,529,127	85,089,339
Bảo hiểm xã hội	139,072,137	134,683,489
Công ty CP CĐ và XD Việt Nam	18,061,063	18,061,063
Ông Nguyễn Bình Dương	30,000,000	30,000,000
Phải trả/phải nộp khác	435,647,530	160,179,269
Dư Có TK 138	126,873,446	-
Cộng	779,183,303	428,013,160

14. Vay và nợ thuê tài chính**Số cuối năm****Số đầu năm****Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Ông Nguyễn Như Ngân	-	210,000,000
Bà Đinh Thị Lan	-	35,000,000
Ông Nguyễn Ngọc Bình	45,500,000,000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	-	3,500,000,000
Cộng	45,500,000,000	3,745,000,000

Số cuối năm**Số đầu năm****Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	300,225,026,385	192,810,338,277
Cộng	300,225,026,385	192,810,338,277

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam Chi nhánh Sơn La theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/1579600/HĐTD ngày 30/10/2015, mục đích vay phục vụ xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Hóa 1. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp TS số 01/2016/1579600/HĐBĐ ngày 22/09/2016

<Chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ xem tại Phụ lục số 02>

15. Vốn góp chủ sở hữu**5.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 03>****5.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu****Số cuối năm****Số đầu năm**

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	193,882,780,000	295,941,643,283
Trung tâm Giao dịch Đầu tư Tư vấn Mua bán nợ và tài sản (DATC)	102,552,220,000	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình	2,900,000,000	2,900,000,000
Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc	665,000,000	665,000,000
Cộng	300,000,000,000	299,506,643,283

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính) 19

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>**01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
52,352,519,641	43,332,543,792
52,352,519,641	43,332,543,792

02. Các khoản giảm trừ doanh thu**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
52,352,519,641	43,332,543,792
52,352,519,641	43,332,543,792

04. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
35,718,946,555	42,213,110,507
35,718,946,555	42,213,110,507

05. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Cộng

Năm nay	Năm trước
7,674,908	1,242,794
7,674,908	1,242,794

06. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay

Cộng

Năm nay	Năm trước
15,560,116,053	-
15,560,116,053	-

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	158,965,376
-	158,965,376

08. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
59,038,633	144,448,260
2,337,747,160	651,844,415
13,440,718,132	5,509,154,965
935,447,938	4,117,254,223
16,772,951,863	10,422,701,863

VIII. Những thông tin khác:**1. Công cụ tài chính:****1.1. Quản lý rủi ro:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính) 20

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:**Tài sản tài chính:**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,990,605,218	2,732,844,889
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	46,837,765,665	40,451,287,873
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-

Công nợ tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	345,725,026,385	196,555,338,277
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	36,350,808,861	43,532,184,360
Công nợ tài chính khác	-	-

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	45,500,000,000	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	36,350,808,861	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	300,225,026,385
Công nợ khác		19,190,163,205	-

2. Thông tin về các bên liên quan:

Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha có công ty mẹ là Công ty Cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam có địa chỉ trụ sở tại Ngõ 102 đường Trường Chinh quận Đống Đa TP Hà Nội.

(Vốn góp của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha tại thời điểm 31/12/2017 là: 193.882.780.000 đồng, chiếm tỷ lệ 64,63%.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo.

5. Những thông tin khác

5.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	11.91	11.40
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	88.09	88.60
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	57.13	49.00
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	42.87	51.00
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1.75	2.04
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0.82	0.70
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.05	0.03
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	0.02	-
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0.02	-
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0.15	0.16
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0.15	0.16

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thịnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068

Thuyết minh báo cáo tài chính

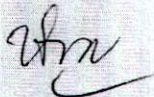
cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

5.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

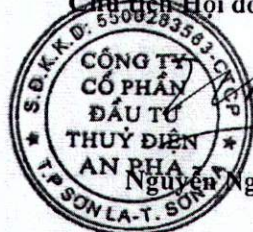
Kế toán trưởng



Nghiêm Thị Mai Hoa

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Địa chỉ: Số 02 Ngõ 308A Đường Chu Văn Thỉnh, TP Sơn La tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0243.9744168 - Fax: 0243.9744068

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

7. Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	203,255,198,821	139,192,395,708	911,783,636	31,013,409	343,390,391,574
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	596,245,293	-	-	-	596,245,293
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	40,188,436	-	-	40,188,436
Số dư cuối năm	203,851,444,114	139,152,207,272	911,783,636	31,013,409	343,946,448,431
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2,609,313,390	2,899,841,575	522,311,850	31,013,409	6,062,480,224
- Khấu hao trong năm	6,300,751,048	6,957,610,356	182,356,728	-	13,440,718,132
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8,910,064,438	9,857,451,931	704,668,578	31,013,409	19,503,198,356
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	200,645,885,431	136,292,554,133	389,471,786	-	337,327,911,350
- Tại ngày cuối năm	194,941,379,676	129,294,755,341	207,115,058	-	324,443,250,075

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính) 24